

NGUY CƠ BỆNH DUTCH Ở VIỆT NAM MỘT VÀI GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ

ĐOÀN MINH PHONG

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trên thế giới rất nhiều quốc gia có những bước khởi đầu tốt đẹp, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, nhưng duy trì mức tăng trưởng cao này thì không phải tất cả đều làm được. Ngoài các quốc gia nhờ có những điều chỉnh kịp thời nên tránh được ảnh hưởng xấu cho nền kinh tế, thì những quốc gia như Nigeria, Mexico, Philippines...cho đến tận bây giờ vẫn còn phải gánh chịu hậu quả của những sai lầm trong quản lý kinh tế: tốc độ tăng trưởng giảm, nền kinh tế suy thoái trong nhiều năm.

Bằng sự thay đổi cơ chế quản lý kinh tế và chính sách mở cửa, bước vào thập niên 1990, VN đã đạt được những thành tựu lớn lao về phát triển kinh tế, điều đó khẳng định tính đúng đắn trong đường lối đổi mới của nhà nước ta, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 1990 - 1996 vào khoảng 8,5% (xem bảng 1).

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP (giá so sánh 1989)

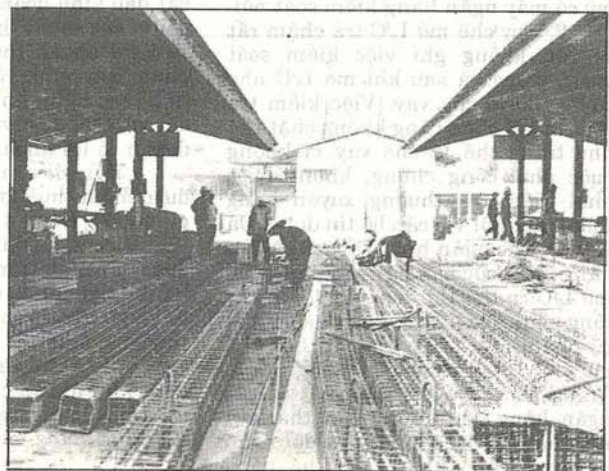
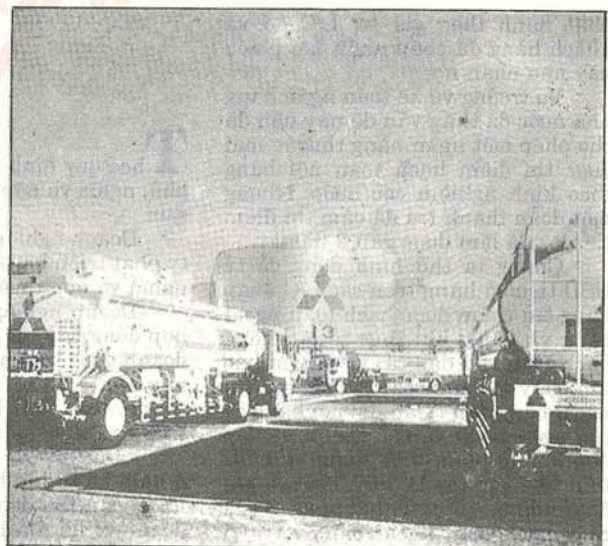
Đơn vị: %

Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996
1. Nông nghiệp	2,2	7,1	3,8	3,9	4,6	
2. Công nghiệp	9,0	14,0	13,1	14,0	13,9	
3. Dịch vụ	8,3	7,0	9,2	10,2	11,5	
Tăng trưởng GDP	6,0	8,6	8,1	8,8	9,5	9,5

Nguồn: Tổng cục thống kê, năm 1996 là số ước tính

Bảng 1 cho thấy các ngành kinh tế chủ yếu đều có xu hướng phát triển tốt, điều này thể hiện sự tăng trưởng của nước ta khá cân đối và đồng đều giữa các khu vực của nền kinh tế.

Thời gian gần đây, theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước thì nền kinh tế nước ta đã không hoàn toàn "khỏe mạnh" như nhiều người lầm tưởng mà có rất nhiều nguy cơ có thể kéo giảm tốc độ tăng trưởng trong những năm sắp đến. Trong khuôn khổ bài viết này, xin đề cập đến một căn bệnh mà nhiều quốc gia giàu tài nguyên thường gặp đó là "bệnh Dutch" hay "căn bệnh Hà Lan" (1) mà các nhà kinh tế thường gọi. VN tuy không phải là quốc gia giàu tài nguyên và cũng không phải là quốc gia có thể trông chờ vào khả năng tăng thu nhập nhờ "của trời rơi xuống" từ việc tăng giá của một khoáng sản nào đó (như dầu hỏa chẳng hạn) nhưng hàng năm lại có một lượng vốn rất lớn chảy vào từ nhiều nguồn



của nước ngoài, đây là một nguồn lực rất có lợi cho phát triển kinh tế nếu vốn được sử dụng hợp lý và mang lại hiệu quả cao, ngược lại sẽ là hình ảnh của các nước chịu suy thoái về kinh tế đã được đề cập trên đây.

II. CÁC NGUỒN VỐN TỪ NƯỚC NGOÀI

Hiện nay có rất nhiều nguồn vốn từ nước ngoài, nhưng bài viết này chỉ đề cập đến hai nguồn chủ yếu và có tỉ trọng cao là nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA).

1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)

Kể từ khi ta ban hành Luật đầu tư nước ngoài (tháng 12.1987) với các điều kiện cởi mở, dễ dàng hơn đã tạo điều kiện khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài thâm nhập vào thị trường VN và ngày càng thu hút một khối lượng lớn hơn vốn đầu tư. Nguồn vốn FDI này đã góp phần ổn định và tăng trưởng kinh tế, giúp chúng ta nâng cao kỹ thuật, công nghệ và là môi trường tốt để học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh tế, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Vốn FDI gia tăng rất nhanh qua các năm, tốc độ tăng bình quân hàng năm trong thời kỳ 1988 - 1996 là 39% (xem bảng 2)

Bảng 2: Khối lượng vốn FDI từ 1988 - 1996

Đơn vị: triệu USD

Năm	Vốn đầu tư	Tăng năm trước/năm sau	Năm	Vốn đầu tư	Tăng năm trước/năm sau
1988	366	—	1993	2987	32%
1989	539	47%	1994	4017	35%
1990	596	11%	1995	6616	65%
1991	1388	133%	1996	5178	-22%
1992	2271	64%			

Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư, số năm 1996 tính đến ngày 7.12.1996.

Bảng 2 cho thấy năm 1991 lượng vốn đầu tư gia tăng rất lớn so với năm 1989 (tăng 133%). Chúng ta dễ nhận thấy là vào năm 1989, nước ta đã có những chuyển đổi thực sự trong cơ chế quản lý kinh tế và tiếp theo là nhiều sửa đổi trong Luật đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các đối tác đầu tư nước ngoài, tốc độ gia tăng đầu tư các năm tiếp theo ở mức cao. Trong năm 1995 có mấy sự kiện lớn là Mỹ xóa bỏ cấm vận với VN vào tháng 3.1995, VN là thành viên chính thức của ASEAN vào tháng 7.1995, đây là các lí do quan trọng khiến lượng đầu tư năm 1995 tăng vọt. Năm 1996 đầu tư giảm 22% so với 1995 (mặc dù về số lượng tuyệt đối vẫn ở con số lớn), như vậy là các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu có sự dè chừng khi thâm nhập vào thị trường VN, lượng đầu tư năm 1996 giảm một phần do tiền của ta lên giá cao so với ngoại tệ đã không khuyến khích sản xuất và xuất khẩu, trong khi các dự án đầu tư chủ yếu là sử dụng các nhập lượng từ nội địa như nguyên liệu, lao động. Mặt khác các chính sách thuế khóa, các thủ tục cấp giấy phép, hệ thống pháp lý của ta chưa đáng ứng mong đợi của các nhà đầu tư đã phần nào hạn chế lượng đầu tư này.

Tính trong 3 năm gần đây (1994 - 1996) trung bình mỗi năm có gần 5 tỉ USD vốn FDI được cấp phép, đây là một con số khá lớn với chúng ta.

2. Nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA)

Nguồn vốn này trở lại VN vào cuối năm 1993, theo như cam kết các tổ chức thuộc nguồn ODA sẽ cho VN vay đến năm 1996 khoảng trên 6 tỉ USD, nhưng cho đến thời điểm này mới giải ngân được khoảng 30%, sự chậm trễ này do một số nguyên nhân như: việc khảo sát, lập dự án và thẩm định dự án đầu tư của ta còn chậm chạp và kém hiệu quả.

Theo như dự báo của Bộ kế hoạch - đầu tư, từ 1996

đến năm 2000 chúng ta sẽ huy động khoảng 42 tỉ USD vốn đầu tư, trong đó vốn đầu tư trong nước 22 tỉ USD, vốn nước ngoài 20 tỉ USD (bao gồm 13 tỉ USD là vốn FDI và 7 tỉ USD là vốn ODA). Tính trong giai đoạn 1996 - 2000 tổng số đầu tư hàng năm khoảng trên 8 tỉ USD trong đó vốn nước ngoài là 4 tỉ USD (chưa tính đến các nguồn ngoại tệ khác như: đầu tư vốn cổ phần của người nước ngoài, các ngân hàng nước ngoài cho vay dưới dạng thương mại, kiều hối, ngoại tệ du khách, nhập hàng trả chậm của các doanh nghiệp trong nước) đây là nguồn lực quý giá để thúc đẩy mục tiêu công nghiệp hóa. Trong những năm vừa qua chúng ta đã sử dụng khá tốt để sinh lợi từ các nguồn vốn này, nhưng vẫn cần phải sử dụng hiệu quả hơn nữa vì hai lí do: một là các nguồn vốn vay của nước ngoài chủ yếu thuộc dạng vay ngắn hạn và trung hạn, hai là nguyên tắc của các tổ chức quốc tế chỉ cho các nước đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người thấp (2) (với tốc độ tăng trưởng GDP của ta hiện nay là 9% thì khoảng từ 5 đến 10 năm nữa sẽ không còn được vay) vì vậy nếu bây giờ chúng ta sử dụng nguồn vốn kém hiệu quả thì nó sẽ là gánh nặng nợ nần cho tương lai.

III. CÁC NGUY CƠ CÓ THỂ DẪN ĐẾN BỆNH DUTCH Ở VN

Trong giai đoạn gần đây, nền kinh tế của ta đã xuất hiện một số các biểu hiện tiềm tàng của sự kìm hãm sản xuất trong nước và xuất khẩu, sau đây xin nêu lên hai nguy cơ được xem như những nguyên nhân chính có thể dẫn đến căn bệnh này:

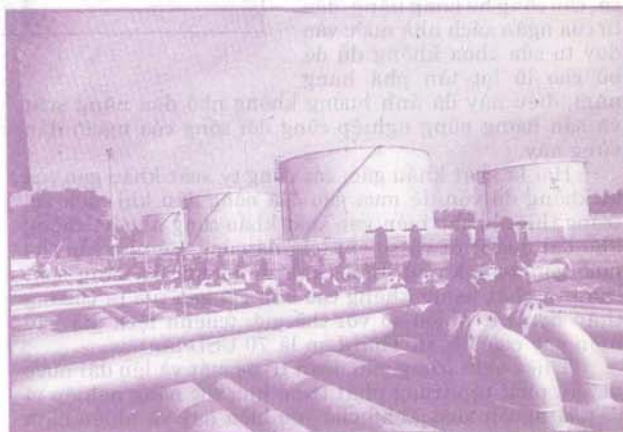
1. Về tỉ giá hối đoái

Trong quản lý kinh tế vĩ mô thì tỉ giá hối đoái (TGHD) là một trong những vấn đề trọng tâm mà không một nền kinh tế nào có thể bỏ qua, ảnh hưởng của TGHD tác động lên rất nhiều khía cạnh của nền kinh tế mà đặc biệt là sản xuất trong nước và hàng hóa ngoại thương.

Bảng 3: Giá trị hàng xuất nhập khẩu Đơn vị: triệu USD

Năm	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Xuất khẩu	1332	1572	2195	3068	3571	5620	6700
Nhập khẩu	1785	1863	3336	4644	5000	8450	10000
Chênh lệch (XK - NK)	-453	-291	-1141	-1576	-1429	-2830	-3300

Nguồn: Tổng cục thống kê, năm 1996 là số tạm ước được công bố đến tháng 11.1996, tính trên cơ sở mức tăng giá cả trong năm



Kim ngạch xuất khẩu - nhập khẩu hàng năm của VN tăng khá nhanh, bình quân các năm trong giai đoạn này, xuất khẩu tăng 31%, nhập khẩu tăng 33%. Bảng 3 cho thấy xuất khẩu của ta những năm gần đây vẫn tăng ở một con số lớn vì lượng thu xuất khẩu từ dầu thô tăng lên rất cao và xuất khẩu gạo hàng năm đạt mức 3 triệu tấn. Nhập khẩu của năm 1995 và 1996 tăng khá cao so với năm trước, theo các cơ quan chuyên môn nhận định thì hiện tại và một vài năm tiếp theo, nhập khẩu sẽ còn ở mức tăng cao, cán cân thương mại còn phải thâm hụt do nhu cầu nhập rất lớn về trang thiết bị, máy móc công nghệ.

TGHB của ta được giữ ở mức gần như ổn định khoảng 11.000d/USD từ năm 1993 đã làm cho tiền VN lên giá quá cao (trong thời gian này lạm phát bình quân hàng năm của ta là khoảng 10%, còn lạm phát của đồng đôla chỉ khoảng 2 - 3%) dẫn đến nhiều công ty, xí nghiệp sản xuất trong nước rơi vào tình huống khó khăn vì giá mua nguyên vật liệu và các loại nhập lượng nội địa tăng, làm cho giá thành sản phẩm hàng hóa cùng loại cao hơn rất nhiều so với thế giới. Trong khi các nước láng giềng của ta như Thái Lan, Trung Quốc mà đặc biệt là Trung Quốc đã tiến hành nhiều lần phá giá tiền của họ (1) nên giá hàng hóa các nước này rẻ hơn rất nhiều so với hàng VN, loại hàng hóa giá rẻ này đã bằng nhiều con đường chính thức cũng như không chính thức nhập vào thị trường VN đã và đang làm cho nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước phải đóng cửa hoặc phá sản.

2. Về đầu tư

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế thì cơ cấu đầu tư của VN hiện nay chưa hợp lý, số lượng vốn tập trung quá cao ở một vài đô thị lớn và các ngành công nghiệp nặng, trong khi có một số ngành có thể mang lại nhiều ngoại tệ từ xuất khẩu như nông nghiệp và chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp thì quá thiếu vốn để phát triển, xin đơn cử hai trường hợp sau:

Một là cơ sở hạ tầng nông thôn hiện nay quá kém, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long (là vựa lúa lớn nhất, là nơi sản xuất lúa xuất khẩu) về mùa nước thì còn có thể di chuyển đi lại bằng ghe, xuống ruộng mùa nước cạn thì không thể đi được do hệ thống đường sá, cầu cống hư hỏng nặng, đầu tư của ngân sách nhà nước vào duy tu sửa chữa không đủ để bù cho lũ lụt tàn phá hàng năm, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất và sản lượng nông nghiệp cũng đời sống của người dân vùng này.

Hai là xuất khẩu gạo: các công ty xuất khẩu gạo của ta không đủ vốn để mua gạo của nông dân khi mùa vụ, trang thiết bị chế biến gạo xuất khẩu cũng như hệ thống kho bãi quá ít ỏi và sơ sài (chỉ đáp ứng 4% nhu cầu thu mua gạo xuất khẩu). Bên cạnh đó giống lúa năng suất thấp và chất lượng không cao nên giá gạo của ta thường thấp hơn rất nhiều so với thế giới (chênh lệch giá gạo hiện nay của VN và Thái Lan là 70 USD/tấn).

Thiết nghĩ trong giai đoạn trước mắt và lâu dài nước ta vẫn phải tập trung phát triển khu vực nông nghiệp vì đây là nguồn xuất khẩu chủ yếu hiện nay và nhiều năm tiếp theo. Hơn nữa phát triển khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập của người nông dân (chiếm trên 70% dân

số), giảm sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị cũng là một trong các chính sách của nhà nước ta.

Công nghiệp hóa là con đường đúng đắn để tăng trưởng kinh tế, nhưng cái khó của các nhà hoạch định chiến lược là chọn ra ngành mũi nhọn để phát triển và nên đầu tư ở mức độ nào là hợp lý để vừa tiết kiệm vốn lại vừa có hiệu quả cao. Xin nêu ra vài ví dụ cho thấy việc đầu tư ở một số lĩnh vực mà theo tôi là không hiệu quả:

Sản xuất phân bón (urê): thời gian gần đây có một số dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân bón để phục vụ nông nghiệp đang được xem xét và chuẩn bị thực hiện, về các dự án này nhiều chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất phân bón cho rằng chúng ta không nên thực hiện. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, giá phân bón bình quân mỗi tấn trong 20 năm từ 1976 - 1996 là 153 USD (giá phân chỉ biến động lên xuống qua các năm và hầu như không có sự gia tăng rõ rệt theo thời gian hoặc không đáng kể) sản lượng phân bón xuất khẩu hàng năm của các nước đang phát triển trên thế giới là 100 triệu tấn, trong khi lượng phân bón cần cho nông nghiệp VN mỗi năm chỉ vào khoảng 1 triệu tấn (nên có thể dễ dàng mua). Nhưng nếu chúng ta xây dựng nhà máy sản xuất phân bón với mức chi phí vào loại thấp hoặc trung bình của thế giới thì giá thành mỗi tấn cũng vào khoảng 200 USD, nếu nhập khẩu thì một tấn là 165 USD, như vậy ước tính mỗi năm thiệt hại khoảng 35 triệu USD (trong khi đầu tư cho giao thông nông thôn cả nước năm 1995 là 44 triệu USD).

Sản xuất đường: một lĩnh vực đầu tư cũng nên bàn đến là các dự án sản xuất đường đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, hiện tại chúng ta đã có một số nhà máy sản xuất đường lớn ở Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Tây Ninh và tương lai cũng sẽ có nhiều nhà máy tầm cỡ này mọc lên ở một số địa phương và đã có nhiều dự án đang chuẩn bị triển khai bằng nhiều hình thức đầu tư nhưng chủ yếu các tỉnh tự vay vốn. Giá đường thế giới năm 1996 chỉ ở mức 3.500 đồng/kg còn giá đường của các nhà máy này là 6000 đồng/kg mặc dù đã mua mía của nông dân với giá rẻ (từ 100 - 200 đ/kg mía tươi). Tuy nhiên giá mía đường của VN tăng cao còn do một số nguyên nhân ảnh hưởng khác như tỉ giá hối đoái đã làm cho giá của hàng hóa sản xuất trong nước cao hơn thế giới,

nhưng dù sao thì giá đường của VN cũng không thể cạnh tranh được với giá thế giới vì các nguyên nhân có tính kỹ thuật như chất lượng và sản lượng cây mía, công nghệ chế biến... mà để cải thiện được các yếu tố này đòi hỏi phải có thời gian và vốn đầu tư lớn.

Trong những năm, sự chuyển đổi cơ chế kinh tế là một yếu tố thúc đẩy các dự án đầu tư có suất sinh lợi cao và phù hợp nhu cầu của thị trường hơn được thực hiện, nhưng thực tế cũng phải thừa nhận là đã có rất nhiều dự án đầu tư với qui mô lớn, sử dụng nhiều vốn nhưng hiệu quả không cao hoặc khó có thể thu hồi vốn (không kể đến các công trình phúc lợi hoặc xây dựng cơ sở hạ tầng). Vì vậy ngay từ bây giờ nếu chúng ta không có những biện pháp hữu hiệu để quản lý và sử dụng tốt các nguồn vốn này thì nguy cơ kim hãm tăng trưởng kinh tế trong vài năm nữa là khó tránh khỏi.



IV. GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ

Những tồn tại của ta sẽ là những nguyên nhân có thể dẫn đến bệnh Dutch, nhưng căn bệnh này được ngăn chặn bằng sự nhạy cảm trong quản lý kinh tế và có thể hạn chế được căn bệnh này (trường hợp của Indonesia). Sau đây là một vài biện pháp kiến nghị:

1. Về đầu tư

+ Thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa theo đường lối của nhà nước ta thông qua chính sách ưu đãi tín dụng, giảm thuế và đầu tư thỏa đáng cho những ngành sản xuất hàng xuất khẩu.

+ Tăng cường đầu tư vào phát triển nông thôn vì đó là nơi có thể tiến hành nhiều dự án sinh lợi cao và sử dụng nhiều lao động, tuy nhiên để đầu tư vào khu vực này không cần nhà nước phải trực tiếp thực hiện mà chỉ nên tạo môi trường thuận lợi cho tư nhân đầu tư.

+ Hoàn thiện nâng cấp hệ thống tài chính chính thức cả về cơ sở vật chất cũng như hình thức hoạt động, nên mở rộng hơn nữa các hình thức tín dụng ở khu vực nông thôn, củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống ngân hàng, có biện pháp khuyến khích gửi tiền tiết kiệm để thay đổi thói quen cất tiền của nhân dân vào vàng, đôla, đất đai không sinh lợi, thành thói quen gửi tiết kiệm lấy lãi, đây sẽ là nguồn lực chủ yếu để huy động đầu tư trong nước ở giai đoạn tới.

+ Nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác khảo sát, xây dựng và thẩm định dự án đầu tư để thích ứng và phù hợp dần với những yêu cầu của kinh tế thị trường, đây là công tác chúng ta còn rất yếu, đặc biệt là các địa phương, hoặc ngay cả một số cơ quan chuyên môn, cũng thực hiện công tác này theo kiểu kinh nghiệm là chủ yếu.

2. Về tỉ giá hối đoái

Điều chỉnh tỉ giá hối đoái theo hướng giảm tiền đồng trong nước tới mức cân bằng thực (sử dụng chính sách tiền tệ nới rộng có kiểm soát) để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước, tăng sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu những hàng hóa chưa cần thiết như ô tô con, xe máy, hàng tiêu dùng xa xỉ. Chính sách giảm giá tiền trong nước sẽ có tác dụng làm cho phản phối thu nhập điều hòa hơn giữa các khu vực nền kinh tế (4), tuy nhiên chính sách này có thể gây ra một số khó khăn nhỏ do tác động của lạm phát ảnh hưởng đến số người ăn lương nhà nước nhưng nếu kết hợp với việc điều chỉnh tiền lương theo lạm phát thì có thể giải quyết được.

Giai đoạn hiện nay nên sử dụng chính sách làm giảm giá đồng nội tệ một cách có kiểm soát, kết hợp với việc giữ cho ngân sách cân đối, kìm chế lạm phát tăng cung tiền mặt và tín dụng là phương án tối ưu.

3. Sử dụng chính sách ngân sách thắt chặt có định hướng

+ Cắt giảm hoặc không thực hiện các dự án đầu tư lớn chiếm nhiều vốn nhưng hiệu quả thấp hoặc thời gian hoàn vốn quá dài. Đây là bài học được rút ra từ nhiều quốc gia đã từng "đam mê" những dự án kiểu này để về sau "thương thì không được mà bỏ thì không đành".

+ Các cơ quan quản lý tài chính, ngân sách của nhà nước phải quản lý chặt chẽ và giảm tối thiểu các khoản chi như xây dựng trụ sở các cơ quan, chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện đắt tiền gây lãng phí và không hiệu quả. Trong từng trường hợp cụ thể Bộ tài chính nên áp dụng hình thức khoán kinh phí chi tiêu thường xuyên cho các đơn vị quản lý nhà nước để khuyến khích tiết kiệm và tăng hiệu quả công tác.

Thực hiện thành công chính sách này là công việc rất khó khăn trong lĩnh vực quản lý, điều hành ngân sách quốc gia và không phải quốc gia nào cũng thực hiện chính sách này một cách dễ dàng, đòi hỏi mọi người, mọi ngành phải nhận thức đúng đắn và cùng nhau thực hiện thì mới có hiệu quả.

Như vậy quốc gia giàu tài nguyên là đáng mừng hay



đáng sợ? Đáng mừng vì nếu quản lý và sử dụng hiệu quả thì sẽ thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, nhưng đáng sợ nếu chúng ta sử dụng lãng phí, kém hiệu quả và dẫn đến kìm hãm tăng trưởng.

Tóm lại, những thành công của kinh tế VN thời kỳ qua đã khẳng định sự đúng đắn của đường lối cải cách và mở cửa nền kinh tế. Song để duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững là việc khó, đòi hỏi các nhà quản lý và hoạch định kinh tế vĩ mô cần có những chính sách và những điều chỉnh thích hợp cho từng thời kỳ phát triển của đất nước, dù ban đầu chỉ là sự điều chỉnh nhỏ nhưng cũng có thể tránh được nhiều ảnh hưởng xấu cho nền kinh tế về lâu dài ■

Ghi chú:

(1) Một đặc điểm chung của các quốc gia này là sau khi có một khoản lợi lớn bất ngờ, nền kinh tế ở vào trạng thái thịnh dư, lượng vốn chảy vào làm gia tăng cung tiền, điều này làm gia tăng cầu và dẫn đến chi tiêu nhiều hơn vì khoản lợi bất ngờ làm tăng thu nhập của tư nhân và chính phủ. Khu vực tư nhân và chính phủ đều gia tăng chi tiêu quá cao đã đẩy nền kinh tế vào tình trạng mất cân bằng và rơi vào lạm phát. Trong khi TGHĐ được giữ cố định sẽ làm cho đồng tiền trong nước tăng giá, điều này gây ảnh hưởng là lượng hàng xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng, nhiều ngành sản xuất hàng xuất khẩu phải đóng cửa, lao động và vốn chuyển dịch từ khu vực sản xuất hàng ngoại thương sang khu vực phi ngoại thương. Lúc này nếu tài nguyên cạn kiệt hoặc nguồn vốn chảy vào không còn nữa thì nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái - chính điều này đã biến khoản lợi bất ngờ thành một căn bệnh.

(2) Các tổ chức này chỉ cấp vốn vay cho các nước đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người vào khoảng 790 USD (hoặc thấp hơn).

(3) Năm 1995, TGHĐ danh nghĩa của TQ là 3 NDT/USD, năm 1995 là 8.5 NDT/USD.

(4) Do tác động của "thuế lạm phát".

Tài liệu tham khảo

(1). *Theo hướng Rộng bay* của các tác giả: David O.Dapice, Dwight H.Perkins, Jonathan H.Haughton và Cao Đức Phát, năm 1993

(2). *Kinh tế học của sự phát triển*, chương 5, 17, 19 của nhóm tác giả: Malcolm Gillis, Dwight H.Perkins, Michael Roemer, Donald R.Snodgrass, năm 1990.

(3) *Các nước Asean*, NXB, Thống kê 1996

(4). *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, các số từ tháng 1 đến tháng 4.1997

(5) *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế* các số năm 1996